

Bản án số: **15/ 2020/HNGĐ-ST**
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
*"V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Cúc

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Quyết

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

***- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.***

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 615/2019/TLST – HGND ngày 17 tháng 12 năm 2019, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 615/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 615/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 27 phường A, quận A, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1975; Địa chỉ: K718/40 đường V, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019, bản tự khai đề ngày 11/02/2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi và ông Nguyễn Quốc V xây dựng gia đình vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông V địa chỉ K718/40 đường V, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, tôi nhiều lần phải trả nợ thay cho ông V nhưng ông V vẫn không tu chí làm ăn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vì con còn nhỏ nên tôi đã cố gắng chịu đựng nhưng ông V vẫn không thay đổi tính tình. Vào tháng 5/2018 vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay tôi xác định không còn tình cảm thương yêu ông V, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Quốc V.

- *Về con chung*: Tôi xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung: Nguyễn Anh T, sinh ngày: 20/05/2006 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày: 03/12/2013.

Tại các phiên hòa giải, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ.

Nhưng tại phiên tòa hôm nay, tôi xác định không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại ông V không có việc làm ổn định.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tôi xác định không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Quốc V vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Theo bản tự khai viết ngày 03 tháng 3 năm 2020, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày 03/3/2020, bị đơn là ông Nguyễn Quốc V trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Vân A về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn. Hôn nhân giữa tôi và bà A là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ tôi địa chỉ K718/40 đường V, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì. Bản thân tôi làm ăn thua lỗ và dẫn đến nợ nần là có thật. Từ tháng 10/2018 thì bà A về nhà cha mẹ ruột của bà A sinh sống và sau đó, bà A thuê nhà ra ở riêng. Cũng từ đó, bà A nghe theo lời bạn bè và yêu cầu ly hôn với tôi.

Nay bà Anh nộp đơn xin ly hôn với tôi, tôi nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì nên tôi không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị Vân A. Tôi mong muốn vợ chồng có thêm thời gian để suy nghĩ và hàn gắn.

- *Về con chung*: Tôi xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày: 20/05/2006 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày: 03/12/2013.

Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Nguyễn Quốc T1 và giao con Nguyễn Anh T cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tôi xác định không có.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn vẫn vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vân A đối với bị đơn là ông Nguyễn Quốc V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân A về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc V nhưng ông V vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Nguyễn Quốc V xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường

Xuân Hà, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống đến 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông V làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông V làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần và bản thân bà A phải đứng ra trả nợ cho ông V. Bà A đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông V vẫn không thay đổi.

Từ cuối năm 2019 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau.

Xét thấy việc mâu thuẫn tồn tại trong đời sống vợ chồng của các đương sự là có thật, phù hợp với xác minh tại địa phương cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Trên thực tế hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2018. Tại phiên tòa hôm nay, bà A kiên quyết xin ly hôn. Ông V dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng cố tình vắng mặt. Thái độ này của ông V thể hiện việc coi thường pháp luật, không coi trọng cuộc hôn nhân của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Nguyễn Quốc V có 02 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày: 20/05/2006 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày: 03/12/2013.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hai bên đương sự không sống chung với nhau kể từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian đó, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông V không chăm sóc con cái, không cấp dưỡng nuôi con, không có trách nhiệm với gia đình. Hiện nay ông V không có việc làm, không có thu nhập. Con chung Nguyễn Anh T bị khuyết tật về nghe nói, việc chăm sóc trẻ khuyết tật cần đảm bảo sự yêu thương che chở của cả các thành viên trong gia đình.

Nhằm đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, tạo điều kiện cho sự phát triển bình thường của các cháu nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu nuôi hai con chung Nguyễn Anh T, sinh ngày: 20/05/2006 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày: 03/12/2013 của bà Nguyễn Thị Vân A, giao 02 con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và đúng pháp luật theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Bà A không yêu cầu ông V phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Vân A và ông Nguyễn Quốc V trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[4] *Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vân A đối với ông Nguyễn Quốc V về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

- Cho bà Nguyễn Thị Vân A được ly hôn ông Nguyễn Quốc V.

- **Về con chung:** Giao 02 con chung: Nguyễn Anh T, sinh ngày: 20/05/2006 và Nguyễn Quốc T1, sinh ngày: 03/12/2013 cho bà Nguyễn Thị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Quốc V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Vân A phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001613 ngày 17 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Bà A đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/5/2020). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND thành phố Đà Nẵng;
 - Viện kiểm sát ND TP Đà Nẵng;
 - VKSND quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
 - Chi cục THADS quận Thanh Khê;
 - UBND phường Xuân Hà, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng;
- (Giấy CNKH số 59 ngày 23/5/2006)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Cúc